

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC

Ngành: SINH HỌC THỰC NGHIỆM

Chuyên ngành: SINH LÝ ĐỘNG VẬT

ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2019

(Đính kèm Quyết định số 2545/QĐ-KHTN, ngày 28/12/2019)

1. Loại chương trình đào tạo:

- Chương trình nghiên cứu (*dưới đây gọi là Phương thức 1 – PT1*)
- Chương trình định hướng nghiên cứu (*dưới đây gọi là Phương thức 2 – PT2*)
- Chương trình định hướng ứng dụng (*dưới đây gọi là Phương thức 3 – PT3*)

2. Khung chương trình:

a. Thời gian đào tạo: chính qui 2 năm (24 tháng)

b. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Loại chương trình	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ			Luận văn
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và CN		
		(triết, ngoại ngữ)	Bắt buộc	Tự chọn	
Phương thức 1	60	3	12	21	24
Phương thức 2	60	3	12	30	15
Phương thức 3	60	3	12	36	9

c. Khung chương trình:

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
A		Phần kiến thức chung	3	3	0
1.	MTR	Triết học	3	3	0
2.	MNN	Ngoại ngữ			
B		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành			
B.1		Môn học bắt buộc			
		<i>Học viên chọn 12/19 tín chỉ trong danh sách môn bắt buộc dưới đây. Nếu học viên học hơn 12 tín chỉ bắt buộc thì được tính là số tín chỉ tự chọn.</i>			
1.	MNC	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	2	1
2.	MSH030	Nội tiết học	3	2	1
3.	MSH031	Y sinh học tái tạo	3	2	1
4.	MSH032	Các chủ đề trong miễn dịch học	3	2	1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM

5.	MSH033	Sinh lý sinh hóa các quá trình trong cơ thể	3	2	1
6.	MSH034	Thực tập chuyên ngành	4	0	4
B.2		Môn học tự chọn			
1.	MSH035	Cơ sở phân tử và tế bào của hoạt động của neuron thần kinh	3	2	1
2.	MSH036	Sinh lý dinh dưỡng	3	2	1
3.	MSH037	Sinh học phân tử Eukaryote	3	2	1
4.	MSH038	Genomics ứng dụng trên người và động vật	3	2	1
5.	MSH039	Công nghệ tế bào gốc và ứng dụng	3	2	1
6.	MSH040	Proteomics	3	2	1
7.	MSH041	Sinh lý tập tính	3	2	1
8.	MSH042	Giải phẫu học động vật	3	2	1
9.	MSH043	Độc học	3	2	1
10.	MSH044	Huyết học ứng dụng	3	2	1
11.	MSH045	Sinh lý trong ung thư	3	2	1
12.	MSH046	Sinh lý quá trình lão hóa	3	2	1
13.	MSH047	Mô hình động vật trong nghiên cứu Y sinh	3	2	1
14.	MSH048	Công nghệ sinh học trong hỗ trợ sinh sản	3	2	1
15.	MSH049	Công nghệ sinh học trong chăn nuôi và thú y	3	2	1
16.	MSH050	Công nghệ thực phẩm	3	2	1
17.	MSH051	Công nghệ sinh học dược	3	2	1
18.	MSH052	Chuyển gene ở tế bào động vật	3	2	1
19.	MSH058	Quản trị tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ	3	2	1
20.	MSH138	Chẩn đoán phân tử	3	2	1
21.		Môn học tự chọn hay bắt buộc của các ngành thạc sĩ khác thuộc khoa Sinh học – CNSH	≤ 6		
C	MLV	Luận văn tốt nghiệp			
1	PT 1	Luận văn + Bài báo khoa học (*)	24		
2	PT 2	Luận văn	15		
3	PT 3	Luận văn	9		

MA
TÔN
HỌ
A H
NHIE

(*) Bài báo khoa học:

- Trước khi bảo vệ luận văn thạc sĩ học viên phải là tác giả chính (*đứng tên đầu trong nhóm tác giả*) của ít nhất 1 bài báo khoa học công bố nội dung hoặc một phần nội dung nghiên cứu của luận văn. Bài báo phải được đăng hoặc chấp nhận đăng trong các Tạp chí, Kỷ yếu khoa học được tính điểm thuộc danh mục do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước qui định.

- Bài báo phải có tên Trường đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM là 1 trong Tên Trường đại học Khoa học Tự nhiên, tên ĐHQG-HCM phải ghi vào thông tin tên học viên trong các bài báo khoa học, cách trình bày như sau:

Tiếng Việt:

Ví dụ họ tên học viên: Nguyễn Văn A ^{(1), (2), (3)}

⁽¹⁾ PTN cấp khoa hoặc/Bộ môn (nếu có nhu cầu ghi), **PTN cấp Trường/Trung tâm/Viện/Khoa, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam** (hai cấp độ tổ chức được in đậm là bắt buộc phải ghi; cấp PTN thuộc Khoa/Bộ môn là không bắt buộc)

⁽²⁾ Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

⁽³⁾ Đơn vị ngoài (do học viên đăng ký, có xác nhận của CBHD trong đề cương)

Tiếng Anh:

Ví dụ họ tên học viên: Nguyen Van A ^{(1), (2), (3)}

⁽¹⁾ Laboratory.../Department..., **Laboratory/Center/Institute/Faculty, University of Science, Ho Chi Minh City, Vietnam** (hai cấp in đậm là bắt buộc phải ghi)

⁽²⁾ Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

⁽³⁾ Others

